Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2307.00.00

Mã HS	2307.00.00
Mô tả hàng hóa	Bã rượu vang; cặn rượu
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 12:48:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23070000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2907
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2907
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2907
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2894
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2855
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2855
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2855
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2855
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2855
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2855
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2893
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2893

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2893
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2893
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2893
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2893
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2897
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2897
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2897
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2897
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2897
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2897
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2897
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H2861
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2857
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2857
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2857
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2857
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2857
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2857
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2857
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2857
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2857
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2857
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2857
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2857
VCFTA	2022	2022	5	VC!D2904
VCFTA	2023	2023	5	VC!E2904

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	5	VC!F2904
VCFTA	2025	2025	5	VC!G2904
VCFTA	2026	2026	5	VC!H2904
VCFTA	2027	2027	5	VC!I2904
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2901
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2901
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2901
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2901
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2901
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2901
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2909
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2909
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2909
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2909
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2909
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2909
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2880
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2880
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2880
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2880
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2880
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2880
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2882
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2882
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2882
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2882

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2882
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2882
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2878
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2878
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2878
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2878
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2878
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2878
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2878
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2901
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2901
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2901
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2901
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2901
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2901
RCEP B	2022	2022	0	B!D2901
RCEP B	2023	2023	0	B!E2901
RCEP B	2024	2024	0	B!F2901
RCEP B	2025	2025	0	B!G2901
RCEP B	2026	2026	0	B!H2901
RCEP B	2027	2027	0	B!I2901
RCEP C	2022	2022	0	C!D2901
RCEP C	2023	2023	0	C!E2901
RCEP C	2024	2024	0	C!F2901
RCEP C	2025	2025	0	C!G2901
RCEP C	2026	2026	0	C!H2901

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2901
RCEP D	2022	2022	0	D!D2901
RCEP D	2023	2023	0	D!E2901
RCEP D	2024	2024	0	D!F2901
RCEP D	2025	2025	0	D!G2901
RCEP D	2026	2026	0	D!H2901
RCEP D	2027	2027	0	D!I2901
RCEP E	2022	2022	0	E!D2904
RCEP E	2023	2023	0	E!E2904
RCEP E	2024	2024	0	E!F2904
RCEP E	2025	2025	0	E!G2904
RCEP E	2026	2026	0	E!H2904
RCEP E	2027	2027	0	E!I2904
RCEP F	2022	2022	0	F!D2901
RCEP F	2023	2023	0	F!E2901
RCEP F	2024	2024	0	F!F2901
RCEP F	2025	2025	0	F!G2901
RCEP F	2026	2026	0	F!H2901
RCEP F	2027	2027	0	F!I2901
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2704
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2704
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2704
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2704

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AANZFTA 5%, VCFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2307.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2307.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2907), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.